

Số: 265 /STP-VP

Đồng Nai, ngày 30 tháng 01 năm 2018

V/v triển khai Quyết định số
276/QĐ-UBND ngày 23/01/2018
của UBND tỉnh Đồng Nai

Kính gửi:

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản;
- Phòng Công chứng số 1, 2, 3, 4.

Sở Tư pháp nhận được Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh giai đoạn 2018 – 2019.

Sở Tư pháp triển khai Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai đến các đơn vị. Đề nghị Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Trưởng phòng Công chứng số 1, 2, 3, 4 nghiên cứu và thực hiện đúng theo Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh. Đồng thời, tiếp tục thực hiện các nội dung yêu cầu tại Công văn số 43/STP-VP ngày 05/01/2018 của Sở Tư pháp về việc triển khai Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh giai đoạn 2018 -2019.

Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 và Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn>, mục “Văn bản chỉ đạo điều hành”./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Thị Xuân Đào

ATU KT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 276 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 01 năm 2018

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG	2018 218
VĂN	NGÀY: 26/01/2018
ĐẾN	CHUYỂN:

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh giai đoạn 2018 - 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 259/STC-TCHCSN ngày 17/01/2017 về việc chuyển loại hình đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí hỗ trợ trường Phổ thông Thực hành sư phạm thuộc Trường Đại học Đồng Nai;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Phụ lục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh trong giai đoạn 2018 - 2019 (ban hành kèm theo Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai), cụ thể:

- Nội dung “1. Trường Phổ thông Thực hành sư phạm” tại:

“A. ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN

I. Sự nghiệp giáo dục đào tạo

1. Trường Phổ thông Thực hành sư phạm”

- Nay chuyển sang:

“B. ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN

I. Sự nghiệp giáo dục đào tạo

1. Trường Phổ thông Thực hành sư phạm”

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác của Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai, Trường Phổ thông Thực hành sư phạm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành khối tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4757/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh giai đoạn 2018 - 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính Quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6993/TTr-STC ngày 08/12/2017 về việc đề xuất phương án tự chủ tài chính, kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp khối tỉnh giai đoạn 2018 - 2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh trong giai đoạn 2018 - 2019 (phụ lục đính kèm).

Giao các đơn vị chủ quản trách nhiệm thông báo đến các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

- Đối với khoản chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh được ngân sách nhà nước hỗ trợ trong năm 2018 - 2019 (*phụ lục đính kèm, cột số 4*).

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực sự nghiệp và sự nghiệp khác thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ. Đến khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thì các đơn vị xây dựng phương án tự chủ tài chính và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực sự nghiệp giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

- Ngân sách tỉnh giảm dần hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên của các cơ sở y tế công lập khối tỉnh theo lộ trình kết cấu các nội dung chi phí vào giá dịch vụ khám chữa bệnh và theo khả năng tự bảo đảm chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp của từng đơn vị (*theo số liệu thực tế thu chi hàng năm*).

- Ngân sách tỉnh giảm hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo lộ trình điều chỉnh học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp nêu tại Điều 2 và kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên, thủ trưởng các sở, ban, ngành khối tỉnh và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm triển khai đến đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Sở Tài chính;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

PHỤ LỤC

GIÀO QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHỎI
TỈNH GIAI ĐOẠN 2018-2019

(Kèm theo Quyết định số 4757/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 28/12/2017)



STT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan chủ quản	Chi hoạt động thường xuyên được ngân sách hỗ trợ năm 2018-2019 (triệu đồng/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)
A ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN			
I Sự nghiệp giáo dục đào tạo			
1	1 Trường Phổ thông Thực hành sư phạm	Đại học Đồng Nai	0
II Sự nghiệp dạy nghề			
2	1 Trung tâm Dạy nghề thanh niên	Tỉnh đoàn	0
III Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	1 Trung tâm phát triển phần mềm	Sở Khoa học và Công nghệ	0
4	2 Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	0
5	3 Trung tâm Tin học và Thông tin khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	0
6	4 Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	0
IV Sự nghiệp y tế			
7	1 Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Đồng Nai	Sở Y tế	0
8	2 Bệnh Viện Đa khoa Thống Nhất	Sở Y tế	0
9	3 Bệnh Viện Đa khoa Khu vực Long Khánh	Sở Y tế	0
V Sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch			
10	1 Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	0
VI Sự nghiệp thông tin truyền thông và báo chí			
11	1 Nhà Xuất bản	Sở Thông tin và truyền thông	0
12	2 Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai	Ủy ban nhân dân tỉnh	0
VII Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác			
13	1 Trung tâm Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp	Sở Kế Hoạch Đầu tư	0
14	2 Trung tâm Tư vấn công nghiệp	Sở Công thương	0
15	3 Trung tâm tư vấn xây dựng	Sở Xây dựng	0
16	4 Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng	Sở Xây dựng	0
17	5 Trung tâm quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng	0
18	6 Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường	Sở Tài nguyên môi trường	0
19	7 Trung tâm Kỹ thuật Địa chính Nhà đất	Sở Tài nguyên môi trường	0
20	8 Văn phòng đăng ký đất đai	Sở Tài nguyên môi trường	0
21	9 Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Sở Tài nguyên môi trường	0
22	10 Trung tâm Tư vấn và truyền thông môi trường	Sở Tài nguyên môi trường	0
23	11 Trung tâm Kiểm định Đất đai	Sở Tài nguyên môi trường	0
24	12 Quỹ bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên môi trường	0
25	13 Chi cục Chăn nuôi & Thú y	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	0
26	14 Ban Quản lý Rừng phòng hộ Xuân Lộc	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	0
27	15 Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Đồng Nai	Sở Giao thông vận tải	0
28	16 Trung tâm thẩm tra công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	0
29	17 Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh	UBND tỉnh	0
30	18 Trung tâm Dịch vụ đối ngoại	Sở Ngoại vụ	0
31	19 Trung tâm Tư vấn đầu tư Dịch vụ Khu công nghiệp	Ban quản lý các khu công nghiệp	0
32	20 Nhà khách 71	Văn phòng Tỉnh ủy	0
33	21 Phòng công chứng số 1	Sở Tư pháp	0
34	22 Phòng công chứng số 4	Sở Tư pháp	0
35	23 Phòng công chứng số 3	Sở Tư pháp	0
B ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN			
I Sự nghiệp giáo dục đào tạo			
1	1 Trường Đại học Đồng Nai	Ủy ban nhân dân tỉnh	(*)
2	2 Trường Cao đẳng Y tế	Ủy ban nhân dân tỉnh	(*)

STT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập		Cơ quan chủ quản	Chi hoạt động thường xuyên được ngân sách hỗ trợ năm 2018-2019 (triệu đồng/năm)
(1)	(2)		(3)	(4)
3	3	Trường Cao đẳng nghề	Ủy ban nhân dân tỉnh	(*)
4	4	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao	Ủy ban nhân dân tỉnh	(*)
II Sự nghiệp dạy nghề				
5	1	Trường Trung cấp nghề 26/3	Tỉnh đoàn	(*)
6	2	Trường Trung cấp nghề Giao thông Vận tải	Sở Giao thông vận tải	2.000
III Sự nghiệp khoa học công nghệ				
7	1	Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học	Ban Quản lý Công nghệ cao Công nghệ sinh học	2.101
IV Sự nghiệp y tế				
8	1	Bệnh viện Nhi đồng	Sở Y tế	50.290
9	2	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi	Sở Y tế	12.334
10	3	Bệnh viện Da liễu	Sở Y tế	9.660
11	4	Bệnh Viện Đa khoa Khu vực Long Thành	Sở Y tế	14.178
12	5	Bệnh Viện Đa khoa Khu vực Định Quán	Sở Y tế	12.593
13	6	Bệnh Viện Y dược cổ truyền	Sở Y tế	10.291
14	7	Trung tâm y tế dự phòng	Sở Y tế	13.090
15	8	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	Sở Y tế	7.818
16	9	Trung tâm Kiểm dịch y tế Quốc tế	Sở Y tế	2.902
17	10	Trung tâm Răng hàm mặt	Sở Y tế	2.869
18	11	Trung tâm Giám định Y khoa	Sở Y tế	2.794
19	12	Trung tâm Pháp Y	Sở Y tế	3.161
20	13	Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường	Sở Y tế	12.091
21	14	Trung tâm Y tế Biên Hòa (cả điểm Methadol)	Sở Y tế	48.472
22	15	Trung tâm Y tế Trảng Bom (cả điểm Methadol)	Sở Y tế	30.971
23	16	Trung tâm Y tế Thống Nhất	Sở Y tế	18.985
24	17	Trung tâm Y tế Tân Phú	Sở Y tế	34.054
25	18	Trung tâm Y tế Xuân Lộc	Sở Y tế	36.922
26	19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	Sở Y tế	30.809
27	20	Trung tâm Y tế Nhơn Trạch	Sở Y tế	27.233
28	21	Trung tâm Y tế Định Quán (cả điểm Methadol)	Sở Y tế	24.639
29	22	Trung tâm Y tế Long Khánh (cả điểm Methadol)	Sở Y tế	16.754
30	23	Trung tâm Y tế Long Thành (cả điểm Methadol)	Sở Y tế	20.451
31	24	Trung tâm Y tế Cẩm Mỹ	Sở Y tế	24.975
V Sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch				
32	1	Trung tâm Thể dục Thể thao	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	5.058
33	2	Nhà Thiếu nhi	Ủy ban nhân dân tỉnh	2.441
34	3	Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện	Văn phòng UBND tỉnh	3.346
VI Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác				
35	1	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	Sở Thông tin truyền thông	1.000
36	2	Trung tâm Công nghệ thông tin	Sở Tài nguyên môi trường	1.997
37	3	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá	Sở Tư pháp	600
38	4	Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng	Sở Giao thông vận tải	3.054
39	5	Khu quản lý đường bộ đường thủy	Sở Giao thông vận tải	1.309
40	7	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Sở Lao động thương binh xã hội	1.078
41	8	Trung tâm Đào tạo Cung ứng Lao động kỹ thuật	Ban quản lý các khu công nghiệp	1.000
42	9	Phòng công chứng số 2	Sở Tư pháp	500
43	10	Trung tâm Nước sạch & Vệ sinh môi trường	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1.702
44	11	Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1.638
C ĐƠN VỊ DO NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN				
I Sự nghiệp giáo dục đào tạo				
1	1	Trường Trung học Phổ thông Ngô Quyền	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
2	2	Trường Trung học Phổ thông Trần Biên	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
3	3	Trường Trung học Phổ thông Chu Văn An	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
4	4	Trường Trung học Phổ thông Tam Hiệp	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
5	5	Trường Trung học Phổ thông Lê Hồng Phong	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)

STT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan chủ quản	Chỉ hoạt động thường xuyên được ngân sách hỗ trợ năm 2018-2019 (triệu đồng/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)
6	Trường Trung học Phổ thông Nam Hà	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
7	Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Trãi	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
8	Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Hữu Cánh	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
9	Trường Trung học Phổ thông Tam Phước	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
10	Trường Trung học Phổ thông Chuyên Lương Thế Vinh	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
11	Trường Trung học Phổ thông Vĩnh Cửu	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
12	Trường Trung học Phổ thông Trí An	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
13	Trường Trung học Phổ thông Diêu Cái	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
14	Trường Trung học Phổ thông Phú Ngọc	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
15	Trường Trung học Phổ thông Tân Phú	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
16	Trường Trung học Phổ thông Bình Quân	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
17	Trường Trung học Phổ thông Đoàn Kết	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
18	Trường Trung học Phổ thông Thành Bình	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
19	Trường Trung học Phổ thông Tôn Đức Thắng	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
20	Trường Trung học Phổ thông Xuân Lộc	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
21	Trường Trung học Phổ thông Xuân Thọ	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
22	Trường Trung học Phổ thông Xuân Hưng	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
23	Trường Trung học Phổ thông Sông Ray	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
24	Trường Trung học Phổ thông Võ Trường Toản	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
25	Trường Trung học Phổ thông Cẩm Mỹ	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
26	Trường Trung học Phổ thông Huyện Văn Nghệ	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
27	Trường Trung học Phổ thông Đặc Lua	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
28	Trường Trung học Phổ thông Tây Sơn	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
29	Trường Trung học Phổ thông Long Thành	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
30	Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Đình chiểu	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
31	Trường Trung học Phổ thông Bình Sơn	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
32	Trường Trung học Phổ thông Long Phước	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
33	Trường Trung học Phổ thông Phước Thiện	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
34	Trường Trung học Phổ thông Nhơn Trạch	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
35	Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
36	Trường Trung học Phổ thông Ngô Sĩ Liên	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
37	Trường Trung học Phổ thông Thống Nhất A	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
38	Trường Trung học Phổ thông Thống Nhất B	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
39	Trường Trung học Phổ thông Dầu Giây	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
40	Trường Trung học Phổ thông Kiem Tân	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
41	Trường Trung học Phổ thông Trần Phú	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
42	Trường Trung học Phổ thông Long Khánh	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
43	Trường Trung học Phổ thông Bầu Hăm	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
44	Trường Trung học Phổ thông Hoàng Diệu	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
45	Trường THCS&THPT Suối Nho	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
46	Trường Trung Kỹ thuật Tổng hợp hướng nghiệp	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
47	Trường Dân tộc nội trú liên huyện	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
48	Trường Dân tộc nội trú tỉnh	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
49	Trường Dân tộc nội trú Diêu Xiêng	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
50	Trường Trung Giáo dục thường xuyên tỉnh	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
51	Trường tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
52	Trường Chính trị	Sở Giáo dục Đào tạo	(*)
53	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
54	Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
II	Sự nghiệp dạy nghề		
55	1 Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đông Nai	Sở Lao động thương binh xã hội	(*)
II	Sự nghiệp y tế		
56	1 Trường phòng chống HIV/AIDS (cà methadol)	Sở Y tế	(*)
57	2 Trường tâm truyền thông giáo dục sức khỏe	Sở Y tế	(*)
58	3 Trường tâm Kiểm nghiệm	Sở Y tế	(*)
59	4 Trường tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình thành phố Biên Hòa	Sở Y tế	(*)
60	5 Trường tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình thị xã Long Khánh	Sở Y tế	(*)

T. N. H. A. I.

STT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập		Cơ quan chủ quản	Chi hoạt động thường xuyên được ngân sách hỗ trợ năm 2018-2019 (triệu đồng/năm)
(1)	(2)		(3)	(4)
61	6	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Long Thành	Sở Y tế	(*)
62	7	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Nhơn Trạch	Sở Y tế	(*)
63	8	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Trảng Bom	Sở Y tế	(*)
64	9	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Vĩnh Cửu	Sở Y tế	(*)
65	10	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Thống Nhất	Sở Y tế	(*)
66	11	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Cẩm Mỹ	Sở Y tế	(*)
67	12	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Định Quán	Sở Y tế	(*)
68	13	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Tân Phú	Sở Y tế	(*)
69	14	Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Xuân Lộc	Sở Y tế	(*)
III Sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch				
70	1	Trung tâm văn hóa tỉnh	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
71	2	Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
72	3	Thư viện tỉnh	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
73	4	Bảo tàng Đồng Nai	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
74	5	Đoàn Ca múa nhạc	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
75	6	Ban Quản lý Di tích và Danh thắng	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
76	7	Trung tâm Xúc tiến du lịch	Sở Văn hóa, thể thao, du lịch	(*)
V Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác				
77	1	Trung tâm Công báo	Văn phòng UBND tỉnh	(*)
78	2	Trung tâm Khuyến công	Sở Công thương	(*)
79	3	Trung tâm Xúc tiến thương mại	Sở Công thương	(*)
80	4	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	(*)
81	5	Các trạm thuộc Chi cục Trồng trọt & Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	(*)
82	6	Các trạm thuộc Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	(*)
83	7	Trung tâm khuyến nông	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	(*)
84	8	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Long Thành	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	(*)
85	9	Ban Quản lý Rừng phòng hộ 600	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	(*)
86	10	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tân Phú	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	(*)
87	11	Cảng vụ đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	(*)
88	12	Trung tâm nuôi dưỡng Mồ côi khuyết tật	Sở Lao động thương binh xã hội	(*)
89	13	Trung tâm bảo trợ Người già, Người khuyết tật và tâm thần	Sở Lao động thương binh xã hội	(*)
90	14	Trung tâm bảo trợ huấn nghệ cô nhi Biên Hòa	Sở Lao động thương binh xã hội	(*)
91	15	Ban quản lý nghĩa trang	Sở Lao động thương binh xã hội	(*)
92	16	Cơ sở điều trị nghiện ma túy	Sở Lao động thương binh xã hội	(*)
93	17	Quỹ bảo trợ trẻ em	Sở Lao động thương binh xã hội	(*)
94	18	Trung tâm Sinh hoạt văn hóa truyền thống thanh thiếu nhi	Tỉnh Đoàn	(*)
95	19	Khu bảo tồn Thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	Ủy ban nhân dân tỉnh	(*)
96	20	Trung tâm Tin học Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	(*)

Ngân sách tỉnh giao kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập theo định mức quy định tại Nghị quyết số (*), 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020